

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BA VÌ – TP. HÀ NỘI**

Bản án số: **46/2024/HNGĐ-ST**

Ngày 05 tháng 02 năm 2024

“*V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA VÌ – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Trọng Đức.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Thuật, ông Phùng Xuân Phong

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đỗ Thị Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Vì tham gia phiên tòa:*** Ông Phùng Văn Chung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 02 năm 2024. Tại Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội xét xử công khai, sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 393/2023/TLST - HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2023. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 02/01/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2024/QĐST-HNGĐ ngày 05/02/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1983 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn QN, xã VT, huyện Ba Vì, t.p Hà Nội

- Bị đơn: Chị Phùng Thị X, sinh năm 1981 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn MT, xã VT, huyện Ba Vì, t.p Hà Nội

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh Nguyễn Văn Đ: Ông Phan Hoàn S – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố Hà Nội. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Văn Đ trình bày: Anh và chị X kết hôn năm 2003, đăng ký kết hôn tại UBND xã VT, huyện Ba Vì. Hai bên kết hôn trên cơ sở tự nguyện, sau khi kết hôn chung sống tại thôn Quang Ngọc, xã VT, huyện Ba Vì. Vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì mâu thuẫn phát sinh và kéo dài căng thẳng, thường xuyên bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Chị X cùng 3 con chung đã trở về thôn Mai Trai, xã VT sinh sống cùng bố mẹ đẻ chị X, bỏ mặc cho anh sống một mình tại thôn Quang Ngọc, không quan tâm, chăm sóc gì anh, vợ chồng ly thân từ cuối năm 2020 cho đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với chị X.

Con chung: Vợ chồng có ba con chung là cháu Nguyễn Anh T1, sinh ngày 20/02/2005; cháu Nguyễn Công V1, sinh ngày 01/06/2007 và cháu Nguyễn Văn T2, sinh ngày 13/05/2010. Cháu T1 đã trưởng thành trên 18 tuổi và không bị khuyết tật về thể chất và tâm thần nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về nuôi con. Cháu V1 và cháu T2 đều đang sống cùng chị X, các con có nguyện vọng xin ở cùng anh thì anh cũng tôn trọng nguyện vọng của các cháu và nhận nuôi cháu V1, cháu T2 đến khi các con chung đều đủ 18 tuổi. Anh Đ yêu cầu chị X phải cấp dưỡng nuôi con chung cho cả hai con là 2.000.000đ /tháng kể từ tháng 02/2024 đến khi con chung đủ 18 tuổi (mỗi cháu 1.000.000đ).

Tài sản chung, nợ chung, tài sản riêng: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình tố tụng, tại Trung tâm hòa giải tại Tòa án, chị Phùng Thị X trình bày: Chị thừa nhận lời trình bày của anh Đ về quan hệ hôn nhân. Theo chị nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do sự khác biệt trong suy nghĩ và khó khăn về kinh tế. Vợ chồng có bất đồng quan điểm, anh Đ có đánh đập bốn mẹ con, chị phải trở về nhà bố mẹ đẻ ở. Nay anh Đ làm đơn ly hôn, chị đồng ý ly hôn nhưng anh Đ phải đền bù cho chị về công nuôi con, công đào giếng, mua tủ lạnh và tuổi thanh xuân. Về con chung: Nếu ly hôn thì tùy theo quyết định của các con chung muốn ở với ai. Nếu các con chung muốn sống cùng chị thì chị cũng nhận nuôi và yêu cầu anh

Đ cấp dưỡng theo quy định pháp luật. Về tài sản chung, nợ chung, tài sản riêng: Không có tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung.

Từ khi Tòa án tiến hành thụ lý và giải quyết vụ án theo pháp luật tố tụng, chị X đã được triệu tập nhiều lần, được nhận thông báo thụ lý vụ án và các thông báo của Tòa án nhưng vắng mặt không lý do, gây khó khăn cho việc giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 06/12/2023 của cháu Nguyễn Công V1 và cháu Nguyễn Văn T2 đều trình bày nguyện vọng, nếu bố mẹ ly hôn, nguyện vọng các cháu đều xin sống cùng bố là Nguyễn Văn Đ.

Tòa án nhân dân huyện Ba Vì đã tiến hành làm việc, chính quyền địa phương xã VT cho biết: Anh Đ và chị X là công dân của xã VT, anh chị có đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân xã VT ngày 10/3/2003. Hai anh chị sống hạnh phúc với nhau đến đầu năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, vợ chồng đã sống ly thân được gần 03 năm nay. Nay anh Đ xin ly hôn với chị X đề nghị Tòa án giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật. Anh Đ và chị X có ba con chung là cháu Nguyễn Anh T1, sinh ngày 20/02/2005, cháu Nguyễn Công V1, sinh ngày 01/06/2007 và cháu Nguyễn Văn T2, sinh ngày 13/05/2010. Hiện cháu Nguyễn Anh T1 đã trưởng thành trên 18 tuổi. Hiện nay cháu Nguyễn Công V1 và cháu Nguyễn Văn T2 đều đang sống cùng chị X tại thôn Mai Trai. Do kinh tế khó khăn, các con chung của chị X đều đã bỏ học và ở nhà phụ việc nhà cho chị X. Được biết, chị X làm phụ xây tại địa phương xã VT, thu nhập thấp, kinh tế khó khăn.

* Tại phiên tòa:

Anh Đ và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh Đ có ý kiến:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Đ xin được ly hôn với chị X.
- Về con chung: Anh Đ xin nhận nuôi cháu Nguyễn Công V1 và cháu Nguyễn Văn T2, yêu cầu chị X phải cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu V1 số tiền 1.000.000đ/tháng, cấp dưỡng nuôi cháu T2 số tiền 1.000.000đ/tháng.
- Về tài sản chung, nợ chung, tài sản riêng: Anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

+ **Về tố tụng:** Trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ **Về nội dung vụ án:**

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho anh Đ được ly hôn với chị X.

- Về con chung: Căn cứ các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao cả hai con chung là cháu Nguyễn Công V1 và cháu Nguyễn Văn T2 cho anh Đ nuôi dưỡng. Chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của anh Đ, buộc chị X phải cấp dưỡng nuôi cháu V1 số tiền 1.000.000đ/tháng, cấp dưỡng nuôi cháu T2 số tiền 1.000.000đ/tháng. Chị X có quyền và nghĩa vụ qua lại, thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, riêng, nợ chung: không xem xét.

- Về án phí: hộ gia đình anh Đ thuộc diện hộ nghèo nên anh Đ, chị X được miễn án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng: Anh Đ, chị X cùng có hộ khẩu thường trú tại huyện Ba Vì nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ba Vì theo quy định tại khoản 1 điều 35 BLTTDS. Chị X có mặt tại địa phương, đã nhận được các văn bản tố tụng nhưng chị X cố tình vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228 BLTTDS, Hội đồng xét xử giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt chị X.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Đ, chị X kết hôn tự nguyện, có đăng ký tại UBND xã VT, huyện Ba Vì ngày 10/03/2003 là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, sự khác biệt trong suy nghĩ và tính cách, cùng sự khó khăn về kinh tế, vợ chồng không quan tâm, chia sẻ, cảm thông, thường xuyên xảy ra cãi chửi, xô xát, vợ chồng đã sống ly thân nhau từ cuối năm 2020 cho đến nay. Xét thấy mâu thuẫn vợ

chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận cho anh Đ được ly hôn với chị X là phù hợp với quy định tại các Điều 51, 56 luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh Đ và chị X có ba con chung là cháu Nguyễn Anh T1, sinh ngày 20/02/2005, cháu Nguyễn Công V1, sinh ngày 01/06/2007 và cháu Nguyễn Văn T2, sinh ngày 13/05/2010. Hiện cháu Nguyễn Anh T1 đã trưởng thành trên 18 tuổi và không bị khuyết nhược gì về thể chất, tâm thần, nên không xem xét . Anh Đ và chị X đều có quan điểm nếu ly hôn sẽ tôn trọng nguyện vọng muốn sống cùng ai của các con chung. Các cháu V1 và Tiến đều có nguyện vọng bằng văn bản xin được sống cùng với anh Đ. Anh Đ mặc dù bị khuyết tật và được hưởng chế độ trợ cấp của địa phương, nhưng anh vẫn minh mẫn, tỉnh táo, tự chủ động sinh hoạt cá nhân và làm các công việc nhà có chỗ ở ổn định. Vì vậy cần chấp nhận sự tự nguyện của anh Đ và nguyện vọng của hai cháu V1, Tiến: Giao cả hai cháu V1 và Tiến cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác, buộc chị X phải cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu V1, cháu T2, mỗi tháng 1.000.000đ cho một cháu là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Sau khi ly hôn, chị X được quyền qua lại, thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản.

[3] Về tài sản chung, riêng, nợ chung: Anh Đ và chị X đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử chưa xem xét.

[4] Về án phí: Hộ gia đình anh Đ thuộc diện hộ nghèo nên anh Đ, chị X được miễn án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Các Điều 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14. **Xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn Đ được ly hôn chị Phùng Thị X.
2. Về con chung: có ba con chung là cháu Nguyễn Anh T1, sinh ngày 20/02/2005, cháu Nguyễn Công V1, sinh ngày 01/06/2007 và cháu Nguyễn Văn T2, sinh ngày 13/05/2010. Không xem xét giải quyết việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi

con chung đối với cháu Nguyễn Anh T1. Giao hai con chung là Nguyễn Công V1 và Nguyễn Văn T2 cho anh Nguyễn Văn Đ nuôi dưỡng đến khi cháu V1, Tiến đủ 18 tuổi hoặc đến khi quyết định thay đổi khác. Chị Phùng Thị X có nghĩa vụ: Cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Công V1 số tiền 1.000.000đ /tháng kể từ tháng 02/2024 đến khi cháu V1 đủ 18 tuổi hoặc có quyết định thay đổi khác. Cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Văn T2 số tiền 1.000.000đ /tháng kể từ tháng 02/2024 đến khi cháu T2 đủ 18 tuổi hoặc có quyết định thay đổi khác.

Chị X được quyền qua lại, thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, riêng, nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Văn Đ, chị Phùng Thị X được miễn án phí hôn nhân gia đình. Hoàn trả cho anh Nguyễn Văn Đ số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0061205 ngày 04/10/2023 tại Cơ quan Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Vì.

5. Quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Văn Đ được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Phùng Thị X được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội
- VKSND huyện
- Người tham gia tố tụng
- UBND xã VT
- THA dân sự
- Lưu hồ sơ

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Hoàng Trọng Đức

